

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ E2C**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ E2C

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: E2C ELECTRONICS TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: E2C JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108518372

**3. Ngày thành lập:** 26/11/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 105, tổ 14A Thanh Lương, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2640        |
| 2.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6201        |
| 3.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4651(Chính) |
| 4.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ quặng uranium và thorium);                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4662        |
| 5.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, véc ni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim;                                                              | 4663        |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4321        |
| 7.  | Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7310        |
| 8.  | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8211        |
| 9.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4652        |
| 10. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4653        |
| 11. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3312        |
| 12. | Đào tạo trung cấp (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                 | 8532        |
| 13. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); | 4659        |
| 14. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3320        |
| 15. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3314        |
| 16. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 9521        |
| 17. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8110        |
| 18. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3313        |
| 19. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4322        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                   | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | BÙI VĂN LIỆU      | Đội 6, Thôn Cúc Bò, Xã Kiến Quốc, Huyện Ninh Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam                           | Cổ phần phổ thông | 88.350     | 883.500.000           | 17,670    | 030088006825                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                                        | Tổng số           | 88.350     | 883.500.000           | 17,670    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | HOÀNG THANH LINH  | A 8 tập thể Viện Công Nghệ Laser, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam           | Cổ phần phổ thông | 116.450    | 1.164.500.000         | 23,290    | 013245413                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                        | Tổng số           | 116.450    | 1.164.500.000         | 23,290    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN HẢI        | Phòng 212, Nhà 15T1, số 310 Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 186.950    | 1.869.500.000         | 37,390    | 017086000026                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                                        | Tổng số           | 186.950    | 1.869.500.000         | 37,390    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | VŨ ĐỨC THIÊM      | Số 231 Quốc Bảo, Thị Trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                        | Cổ phần phổ thông | 50.000     | 500.000.000           | 10,000    | 002088000025                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                                        | Tổng số           | 50.000     | 500.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 5   | NGUYỄN TRƯỜNG BẮC | Số 105, tổ 14A Thanh Lương, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông | 58.250     | 582.500.000           | 11,650    | 030086003501                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                                        | Tổng số           | 58.250     | 582.500.000           | 11,650    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

## 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÙI VĂN LIỆU

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 06/07/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 030088006825

Ngày cấp: 26/09/2018

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Đội 6, Thôn Cúc Bò, Xã Kiến Quốc, Huyện Ninh Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Căn 1108B, toà HH3, chung cư Eco Lake View, 32 Đại Từ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội